

Số: 925/QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Miễn, giảm học phí học kỳ I, năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828 BYT/QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế: tách Trường Đại học Y dược thành 2 trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Học viên, sinh viên – Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí Học kỳ I, năm học 2022-2023 cho 118 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Việc miễn giảm học phí được thực hiện trong 05 tháng/Học kỳ.

Điều 3. Trưởng các phòng Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- ĐTN, HSV, Niêm yết;
- Lưu: VT, HVSU-YT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Học kỳ I, năm học 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 925 /QĐ-DHN ngày 04 tháng 10 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
1	1701393	Nguyễn Hằng Nga	O1K73	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
2	1801051	Vũ Thị Ngọc Anh	P1K73	Miễn học phí	Con thương binh 71%
3	1801149	Lưu Hương Giang	O1K73	Miễn học phí	Con thương binh 25%
4	1801181	Dương Thị Thúy Hằng	N1K73	Miễn học phí	Con liệt sỹ
5	1801249	Vũ Thị Thu Hòa	P1K73	Miễn học phí	Con bệnh binh 91%
6	1801250	Cao Thị Hoài	M1K73	Miễn học phí	Con thương binh 35%
7	1801297	Bế Quang Huy	Q1K73	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
8	1801312	Lý Thị Huyền	P1K73	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
9	1801335	Nguyễn Quý Khánh	Q1K73	Miễn học phí	Con thương binh 63%
10	1801384	Lưu Huệ Linh	N1K73	Miễn học phí	Con thương binh 23%
11	1801508	Trương Thị Minh Ngọc	O1K73	Miễn học phí	Con thương binh 61%
12	1801559	Nguyễn Thị Hà Phương	P1K73	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 39%
13	1801596	Nguyễn Như Quỳnh	Q1K73	Miễn học phí	Con thương binh 61%
14	1801606	Hoàng Thanh Sơn	O1K73	Miễn học phí	Con thương binh 61%
15	1801663	Đinh Thị Thơm	O1K73	Miễn học phí	Con bệnh binh 61%
16	1801693	Lù Khánh Toàn	O1K73	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
17	1801706	Lê Thị Ngọc Trang	N1K73	Miễn học phí	Con bệnh binh 71%
18	1801707	Lục Thị Trang	Q1K73	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ nghèo
19	1801762	Trần Thị Vân	N1K73	Miễn học phí	Con thương binh 4/4
20	1801393	Nguyễn Thảo Linh	P1K73	Miễn học phí	Con thương binh 22%
21	1801437	Bùi Phương Mai	M1K73	Miễn học phí	Con thương binh 21%
22	1801684	Lê Thị Thùy	Q1K73	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
23	1801696	Phạm Thị Thu Trà	M1K73	Miễn học phí	Con thương binh 4/4
24	1801205	Hoàng Thị Hậu	O1K73	Giảm 70% HP	DT Cao Lan - VĐBKK
25	1801451	Nguyễn Thuý Mầu	O1K73	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
26	1801258	Đặng Thị Thu Hoàn	Q1K73	Miễn học phí	Con thương binh 42%
27	1801469	Nguyễn Thị Lê Na	O1K74	Miễn học phí	Con thương binh 41%
28	1801719	Nguyễn Yến Trang	P1K73	Miễn học phí	Con thương binh 1/4
29	1801007	Bùi Thị Minh Anh	O1K73	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
30	1801190	Trần Thúy Hằng	N1K73	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 59%
31	1901171	Hoàng Mạnh Hà	M1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 31%
32	1901255	Trần Thùy Hoàng	N1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 51%
33	1901760	Nguyễn Hải Tuấn	P1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 36%
34	1801502	Nguyễn Bích Ngọc	Q1K73	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
35	1901263	Đinh Thu Huệ	N1K74	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
36	1901289	Vương Thị Hương	Q1K74	Miễn học phí	DT Tày - Hộ nghèo
37	1901389	Hà Thị Loan	P1K74	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
38	1901518	Lương Thị Huyền Nhi	Q1K74	Miễn học phí	DT Thái - Hộ cận nghèo
39	1901740	Quan Thùy Trang	P1K74	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
40	1901067	Hoàng Thái Bảo	Q1K74	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
41	1901071	Lương Thị Bích	P1K74	Miễn học phí	DT Tày - Hộ cận nghèo
42	1901078	Lê Thị Phương Chi	Q1K74	Miễn học phí	Con thương binh 31%
43	1901102	Phạm Quốc Đạt	Q1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 51%
44	1901166	Trần Thị Thanh Giang	N1K74	Miễn học phí	Con thương binh 41%
45	1901247	Dương Thế Hoàng	Q1K74	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ nghèo
46	1901284	Phí Mai Hương	Q1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 81%
47	1901301	Cao Thị Hoàng Huyền	M1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 61%
48	1901318	Trần Thị Thanh Huyền	M1K74	Miễn học phí	Con thương binh 4/4
49	1901400	Lư Thị Luân	P1K74	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
50	1901443	Bùi Nhật Minh	N1K74	Miễn học phí	Con thương binh 38%
51	1901480	Bùi Thị Ngân	N1K74	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
52	1901597	Phạm Thị Xuân Quỳnh	N1K74	Miễn học phí	Con thương binh 33%
53	1901618	Hoàng Văn Thắng	Q1K74	Miễn học phí	DT Tày - Hộ nghèo
54	1901704	Thò Bá Tính	Q1K74	Miễn học phí	DT Mông - Hộ nghèo
55	1901730	Nguyễn Thị Huyền Trang	O1K74	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
56	1901233	Trần Văn Hiếu	P1K74	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
57	1901150	Đỗ Thị Hồng Gấm	Q1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 62%
58	1901506	Phạm Đặng Hồng Ngọc	Q1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 31%
59	1901509	Phùng Thị Kim Ngọc	P1K74	Giảm 70% HP	DT Dao - VĐBKK
60	1901311	Nguyễn Thị Thanh Huyền	N1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 31%
61	2001003	Nguyễn Thị Thu An	A2K75	Miễn học phí	Con thương binh 4/4
62	2001012	Đỗ Thị Kim Anh	A4K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 51%
63	2001062	Nhâm Đức Bách	A4K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 81%
64	2001097	Vũ Thị Kim Cúc	A3K75	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
65	2001105	Nguyễn Hải Đăng	A4K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 65%
66	2001155	Bùi Thị Giang	A4K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 51%
67	2001182	Phạm Thu Hà	A1K75	Miễn học phí	Con thương binh 21%
68	2001200	Phạm Thị Minh Hằng	A2K75	Miễn học phí	Con thương binh 81%
69	2001237	Đinh Hồ Đức Hiệu	A4K75	Miễn học phí	Con thương binh 29%
70	2001361	Trần Thị Thùy Linh	A1K75	Miễn học phí	Con thương binh 38%
71	2001470	Vi Thị Kim Oanh	A4K75	Miễn học phí	DT Thái - Hộ nghèo
72	2001471	Vàng Mùi Phạm	A1K75	Miễn học phí	DT Dao - Hộ cận nghèo
73	2001591	Tô Vũ Thịnh	A4K75	Miễn học phí	DT Tày - Hộ cận nghèo
74	2001612	Kim Hoài Thương	A2K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
75	2001004	Phạm Thị Thúy An	A2K75	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 31%

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
76	2001047	Vũ Lan Anh	A2K75	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 50%
77	2001082	Nguyễn Ngọc Chi	A2K75	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 35%
78	2001169	Hoàng Ngọc Hà	A2K75	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 31%
79	2001573	Nguyễn Thị Phương Thảo	A1K75	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 65%
80	2001093	Bàn Thị Cói	A3K75	Giảm 70% HP	DT Dao - VĐBKK
81	2001110	Nguyễn Thị Hồng Diệp	A4K75	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
82	2001151	Trần Mỹ Duyên	A2K75	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
83	2001194	Bùi Thị Diệu Hằng	A3K75	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
84	2001205	Bùi Thị Hạnh	A3K75	Miễn học phí	DT Tày - Hộ cận nghèo
85	2001254	Bùi Minh Hoàng	A3K75	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
86	2001340	Lê Thị Yến Linh	A4K75	Giảm 70% HP	DT Thái - VĐBKK
87	2001506	Hà Thị Lệ Quyên	A3K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
88	2001533	Hoàng Thị Tâm	A3K75	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
89	2001670	Lê Thị Kiều Trinh	A1K75	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
90	2001716	Hà Tiểu Yến	A3K75	Giảm 70% HP	DT Thái - VĐBKK
91	2001263	Lý Thị Huệ	A3K75	Miễn học phí	DT Tày - Hộ cận nghèo
92	1801445	Trịnh Thu Mai	P1K73	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 35%
93	2101488	Giang Minh Nguyệt	A4K76	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 31%
94	1801167	Nông Thị Bích Hà	M1K73	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
95	1901558	Nông Thị Thu Phương	P1K74	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
96	1901657	Trương Thị Hương Thảo	P1K74	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
97	1901699	Chung Thủy Tiên	Q1K74	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
98	2101320	Phạm Bảo Khánh	A4K76	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
99	2101571	Dương Thị Thanh Tâm	A1K76	Giảm 70% HP	DT Hoa - VĐBKK
100	2101634	Bế Thị Thủy	A2K76	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
101	2101708	Võ Thảo Vân	A2K76	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
102	2101717	Ma Thị Yếm	A1K76	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
103	2191009	Lê Minh Đức	H1K2	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
104	2001630	Bùi Thị Thu Trà	A3K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
105	2101016	Lưu Trần Minh Anh	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 25%
106	2101099	Nguyễn Thành Đạt	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 36%
107	2101103	Hoàng Mùi Diễm	A2K76	Miễn học phí	DT Dao - Hộ nghèo
108	2101308	Nguyễn Thị Thu Huyền	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 21%
109	2101340	Lương Thị Ngọc Lan	A4K76	Miễn học phí	Con thương binh 97%
110	2101343	Nguyễn Thạch Liên	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 25%
111	2101406	Nguyễn Thị Minh Lý	A4K76	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
112	2101548	Phạm Thị Quyên	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 15%
113	2101633	Vũ Thị Thủy	A2K76	Miễn học phí	Con thương binh 21%
114	2101636	Hồ Hương Thủy	A2K76	Miễn học phí	Con thương binh 26%
115	2101327	Nguyễn Hữu Khoa	A2K76	Miễn học phí	Con bệnh binh 61%

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
116	1801244	Lê Thị Yến Hoa	P1K73	Giảm 50% HP	Con người TNLĐ-BNN 64%
117	2001115	Hoàng Thị Xuân Diệu	A4K75	Miễn học phí	DT Tày - Hộ nghèo
118	2101644	Bùi Phương Tinh	A3K76	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo

Danh sách có 118 sinh viên./.